

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH THÁI BÌNH**

Số: /CTTBI-TTHT
V/v giảm thuế GTGT theo Nghị định
số 94/2023/NĐ-CP.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Bình, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân - Người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Bình;
- Đài Phát thanh và truyền hình Thái Bình; Báo Thái Bình;
- Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Thái Bình.

Ngày 28/12/2023 Chính phủ ban hành Nghị định số 94/2023/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội. Ngành Thuế tỉnh Thái Bình giới thiệu một số nội dung chính của Nghị định số 94/2023/NĐ-CP như sau:

1. Giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

- Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP.

- Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP.

- Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP.

Việc giảm thuế GTGT cho từng loại hàng hóa, dịch vụ (nêu trên) được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế GTGT. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế GTGT.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT 5% theo quy định của Luật thuế GTGT thì thực hiện theo quy định của Luật thuế GTGT và không được giảm thuế GTGT.

2. Mức giảm thuế GTGT

- Cơ sở kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 94/2023/NĐ-CP.

- Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính

thuế GTGT khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 94/2023/NĐ-CP.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện

- Đối với cơ sở kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, khi lập hóa đơn GTGT cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT, tại dòng thuế suất thuế GTGT ghi “8%”; tiền thuế GTGT; tổng số tiền người mua phải thanh toán. Căn cứ hóa đơn GTGT, cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ kê khai thuế GTGT đầu ra, cơ sở kinh doanh mua hàng hóa, dịch vụ kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo số đã giảm ghi trên hóa đơn GTGT.

- Đối với cơ sở kinh doanh (gồm cả hộ, cá nhân kinh doanh) tính thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu, khi lập hóa đơn bán hàng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế GTGT, tại cột “Thành tiền” ghi đầy đủ tiền hàng hóa, dịch vụ trước khi giảm, tại dòng “Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ” ghi theo số đã giảm 20% mức tỷ lệ % trên doanh thu, đồng thời ghi chú: “đã giảm ... (số tiền) tương ứng 20% mức tỷ lệ % để tính thuế GTGT theo Nghị quyết số 110/2023/QH15”.

4. Trường hợp cơ sở kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ áp dụng các mức thuế suất khác nhau thì trên hóa đơn GTGT phải ghi rõ thuế suất của từng hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 94/2023/NĐ-CP.

Trường hợp cơ sở kinh doanh (gồm cả hộ, cá nhân kinh doanh) khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì trên hóa đơn bán hàng phải ghi rõ số tiền được giảm theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 94/2023/NĐ-CP.

5. Cơ sở kinh doanh quy định tại Điều 1 Nghị định số 94/2023/NĐ-CP thực hiện kê khai các hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP cùng với Tờ khai thuế GTGT.

6. Hiệu lực thi hành: Nghị định số 94/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/6/2024.

Cục thuế tỉnh Thái Bình thông tin để Người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Thái Bình biết và thực hiện. Đề nghị Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Báo Thái Bình; Đài Phát thanh truyền hình Thái Bình; Sở Thông tin và truyền thông phối hợp tuyên truyền nội dung này; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện, thành phố;
- Các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh Thái Bình;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Các phòng, Chi cục Thuế;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Hà Nhật Quang